

Sheep Placenta Powder – Nhau thai cừu

Tên gọi: Chiết xuất nhau thai cừu
Xuất hiện: Bột màu nâu nhạt, màu ngà ngà

Nhau thai cừu là một nguyên liệu thiên nhiên vô cùng quý hiếm được con người tận dụng từ cách đây rất lâu đời. Với hàm lượng dinh dưỡng đặc biệt, chiết xuất từ nhau thai giúp làm trẻ hóa các tế bào, tăng cường sức khỏe, làm đẹp da, loại bỏ các vết thâm, nám trên khuôn mặt.

Công dụng chính của Blossom Sheep Placenta

- Bổ sung dưỡng chất giúp tăng cường sinh lực, cải thiện khả năng miễn dịch.
- Kích thích sản sinh tế bào mới giúp da tươi trẻ, mịn màng.
- Bổ sung collagen giúp cải thiện khả năng đàn hồi, ngăn ngừa nếp nhăn, chống lão hóa.
- Làm mờ vết tàn nhang, vết nám, vết thâm
- Giảm sệ ngực sau khi sinh,
- Giữ ẩm cho da, làm liền sẹo và lành vết thương nhanh chóng hơn.
- Điều hoà sự tiết chất nhờn và làm giảm sự mở lỗ chân lông.
- Nhau thai cừu còn giúp điều hoà chu kỳ kinh nguyệt, giảm các chứng thống kinh, làm giảm các triệu chứng khó chịu ở thời kỳ tiền mãn kinh. Giải độc một cách tự nhiên.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ:

Nguyễn Mạnh Cường

Công ty TNHH Dược phẩm sinh học Quốc tế (IBPHARCO)

Add: Tầng 6, Licogi13, 164 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội

Hotline: 0987 785 792 - Tel: 024 62939301

Email: cuongnm@ibpharco.com - Web: www.ibpharco.com

Bình luận

Bài viết liên quan

[MSM \(Methylsulfonylmethane\)](#)

[GRAPE SEED EXTRACT](#)

[Green tea Extract](#)

[Astaxanthin](#)

[MSM \(Methylsulfonylmethane\)](#)

[Collagen type II](#)

[Green tea Extract](#)

[White willow bark extract](#)

[Blueberry Extract](#)

[Citrus Aurantium Extract](#)

[Resveratrol](#)

[Sheep Placenta Powder](#)

[Soy isoflavones](#)

[L- carnitine fumarate](#)

[L- carnitine fumarate](#)

[Collagen type II](#)

[Hyaluronic Acid](#)

[Beta Glucan](#)

[L- glutathione](#)

[Citrus Aurantium Extract](#)

[Aloe vera extract](#)

[Nattokinase](#)

[D-Glucosamin sulfate](#)

[L- carnitine fumarate](#)

[Rutin 95%](#)

[Beta Glucan](#)

[Alpha Lipoic Acid](#)

[Coenzyme Q10](#)

[L- carnitine fumarate](#)

[MSM \(Methylsulfonylmethane\)](#)

- [« Đầu tiên](#)
- [Lùi](#)
- [32](#)
- [33](#)
- [34](#)
- 35
- [36](#)
- [37](#)
- [38](#)
- [Tiếp](#)
- [Cuối cùng »](#)